

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN DƯƠNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 46/2020/HNGĐ-ST
Ngày 29-7-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Minh Huế

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đồng Thị Thường

Bà Nguyễn Thị Lợi

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tình - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thơ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện An Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 123/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Mai Trung H; nơi cư trú: Thôn D, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Chị Ngô Thị Yến V; Nơi ĐKKHKT: Thôn D, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; Nơi cư trú: Thôn P, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện, tại Bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Mai Trung H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Ngô Thị Yến V kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng vào năm 2016. Sau khi kết hôn, anh và chị V về chung sống cùng gia đình anh tại thôn D, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày chị V ứng xử với mẹ anh không được khéo léo, tế nhị, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi, bất hòa căng thẳng. Mâu thuẫn đã được hai bên tìm nhiều giải

pháp khắc phục nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng nên từ tháng 01 năm 2020, chị V đã bỏ về cư trú cùng bố, mẹ để chị V ở thôn P, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng. Từ khi chị V bỏ đi, anh không đi tìm chị V, thỉnh thoảng chị V có về nhà anh nhưng chỉ về để lấy đồ dùng mà không có mục đích đoàn tụ với anh. Từ tháng 01 năm 2020 đến nay, anh và chị V sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Ngô Thị Yến V.

Về con chung: Anh và chị Ngô Thị Yến V có một con chung là Mai Ngô Mỹ U, sinh ngày 23 tháng 6 năm 2017. Từ khi chị V bỏ đi, con chung do chị V nuôi dưỡng. Anh đề nghị Tòa án Tòa án giao con chung cho chị V nuôi dưỡng, anh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị V mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 14 tháng 5 năm 2020, bị đơn là chị Ngô Thị Yến V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, điều kiện kết hôn của chị và anh Mai Trung H theo như anh H đã khai là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh H có biểu hiện ngoại tình, thường đi sớm về khuya, không quan tâm trách nhiệm với gia đình. Mặt khác, anh H có lời nói và hành động không tôn trọng bố, mẹ chị. Vì vậy, vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi chửi nhau, anh H có dùng bạo lực với chị. Do mâu thuẫn căng thẳng nên từ tháng 01 năm 2020, chị đã bỏ về nhà bố mẹ chị ở thôn P, xã L sống ly thân với anh H. Từ khi chị bỏ đi đến nay, anh H không đến tìm chị, chị có về xin lỗi anh H và gia đình anh H nhưng anh H và gia đình không chấp nhận. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên anh H xin ly hôn, chị đồng ý.

Về con chung: Chị và anh Mai Trung H có một con chung theo như lời khai anh H đã khai là đúng. Chị đề nghị Tòa án giao con chung cho chị nuôi dưỡng. Chị đề nghị Tòa án buộc anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị mỗi tháng 2.000.000 đồng và phải cấp dưỡng nuôi con cho chị một lần số tiền 360.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Ngô Thị Yến V liên tục thay đổi lời khai, cụ thể:

Tại Bản tự khai ngày 20 tháng 5 năm 2020, chị V khai: Giữ nguyên quan điểm về quan hệ hôn nhân, về con chung, cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Chị và anh Mai Trung H có tài sản chung gồm: 01 nhà ở hai tầng diện tích 200m² và công trình phụ khép kín được xây dựng trên diện tích đất 200m² tại thôn D, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng, trị giá nhà ở 2.000.000.000 đồng và một số tài sản phục vụ sinh hoạt gia đình trị giá 97.000.000 đồng. Tổng trị giá tài sản chung là 2.097.000.000 đồng. Chị và anh H còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ph, Chi nhánh Hải Phòng (gọi tắt là Ngân hàng) số tiền 295.000.000 đồng. Số tiền này, chị là người đứng tên ký kết hợp đồng tín dụng, anh H dùng quyền sử dụng đất là tài sản riêng của anh H để thế chấp bảo lãnh cho nghĩa vụ trả nợ. Chị đề nghị Tòa án chia nhà ở và tài sản phục vụ sinh hoạt gia đình cho chị và anh H mỗi người được hưởng 1/2 tài sản, và chia số nợ chung cho chị và anh H mỗi người phải trả

cho Ngân hàng $\frac{1}{2}$ số nợ. Đối với diện tích đất ở là tài sản riêng của anh H, chị không yêu cầu Tòa án chia.

Tại Bản tự khai ngày 10 tháng 6 năm 2020, chị V khai: Giữ nguyên quan điểm về quan hệ hôn nhân, về con chung và cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Chị V chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung của vợ chồng, buộc anh H phải trả toàn bộ số nợ chung của vợ chồng.

Tại Bản tự khai ngày 24 tháng 6 năm 2020, chị V khai: Về quan hệ hôn nhân, chị xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và vì con chung còn nhỏ nên chị không đồng ý ly hôn, chị đề nghị Tòa án hòa giải để chị và anh H về đoàn tụ. Trường hợp phải giải quyết ly hôn, chị giữ nguyên quan điểm về con chung và cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chị đề nghị Tòa án buộc anh H phải trả toàn bộ số nợ chung của vợ chồng, nếu anh H không đồng ý chị đề nghị Tòa án chia nhà ở và tài sản phục vụ sinh hoạt gia đình cho chị và anh H mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ tài sản, và chia số nợ chung cho chị và anh H mỗi người phải trả cho Ngân hàng $\frac{1}{2}$ số nợ.

Tại phiên tòa, chị V khai: Về quan hệ hôn nhân: Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn theo yêu cầu của anh H. Về con chung: Chị đề nghị Tòa án buộc anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)/01 tháng và hàng tháng anh H chuyển số tiền cấp dưỡng nuôi con vào tài khoản của chị. Về tài sản chung: Chị đề nghị Tòa án buộc anh H phải đến Ngân hàng làm thủ tục chuyển tên cho anh H là người đứng tên vay nợ để trả toàn bộ số nợ chung 295.000.000 đồng mà chị đã đứng tên vay tại Ngân hàng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung*: Căn cứ Điều 28; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho anh Mai Trung H được ly hôn chị Ngô Thị Yến V; Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao con chung Mai Ngô Mỹ U, sinh ngày 23 tháng 6 năm 2017 cho chị Ngô Thị Yến V nuôi dưỡng và buộc anh Mai Trung H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Ngô Thị Yến V 2.000.000 (hai triệu) đồng/01 tháng. Thời hạn cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày 29 tháng 7 năm 2020 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; Về tài sản chung: Tách yêu cầu chia tài sản chung của chị Ngô Thị Yến V để giải quyết bằng vụ án dân sự khác. Anh Mai Trung H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Mai Trung Hoàn có đơn khởi kiện xin ly hôn với chị Ngô Thị Yến V. Đây là vụ án

tranh chấp hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Ngô Thị Yến V hiện đang cư trú tại thôn P, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Mai Trung H và chị Ngô Thị Yến V kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 28 tháng 4 năm 2016, nên theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] Căn cứ lời khai của các đương sự, căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập có đủ cơ sở xác định: Quá trình chung sống, anh Mai Trung H và chị Ngô Thị Yến V đã phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, việc ứng xử của anh H, chị V đối với bố, mẹ hai bên không được khéo léo, tế nhị dẫn đến vợ chồng không có sự cảm thông, chia sẻ mà thường xuyên xảy ra va chạm, đánh cãi chửi nhau. Hiện tại vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Xét quan hệ hôn nhân của anh Mai Trung H và chị Ngô Thị Yến V mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên tại phiên tòa, anh H và chị V đều có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn là có cơ sở. Cần, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho anh Mai Trung H được ly hôn chị Ngô Thị Yến V.

[4] Về con chung: Anh Mai Trung H và chị Ngô Thị Yến V có một con chung là Mai Ngô Mỹ U, sinh ngày 23 tháng 6 năm 2017. Con chung hiện do chị V trực tiếp nuôi dưỡng đang ổn định và phát triển tốt, chị V là công nhân có thu nhập ổn định. Anh H và chị V đều có quan điểm đề nghị Tòa án giao con chung cho chị V nuôi dưỡng. Xét, quan điểm của anh H và chị V là tự nguyện, đảm bảo quyền lợi cho con chung, phù hợp với quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

[5] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Anh H và chị V đều có quan điểm anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị V 2.000.000 đồng/tháng. Xét thấy, quan điểm của hai bên là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[6] Về việc chị Ngô Thị Yến V yêu cầu Tòa án buộc anh H phải cấp dưỡng nuôi con cho chị V hàng tháng bằng hình thức chuyển tiền qua tài khoản của chị V. Xét thấy, yêu cầu của chị V không thuộc thẩm quyền của Tòa án nên Tòa án không giải quyết.

[7] Về tài sản chung: Anh Mai Trung H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản; chị Ngô Thị Yến V có yêu cầu Tòa án phân chia tài sản, nhưng chị V đã không nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản theo yêu cầu của Tòa án, nên Tòa án không xem xét giải quyết yêu cầu của chị V. Vì vậy, cần tách yêu cầu chia tài sản của chị V để giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[8] Về án phí: Anh Mai Trung H là nguyên đơn và phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Ngô Thị Yến V nên anh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1, Điều 28; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 6; điểm a, khoản 5 và điểm a, khoản 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Mai Trung H được ly hôn chị Ngô Thị Yến V.
2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao con chung Mai Ngô Mỹ U, sinh ngày 23 tháng 6 năm 2017 cho chị Ngô Thị Yến V nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về việc cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Mai Trung H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Ngô Thị Yến V 2.000.000 (hai triệu) đồng/01 tháng. Thời hạn cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày 29 tháng 7 năm 2020 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con nêu trên, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về tài sản chung: Tòa án không xem xét, giải quyết về vấn đề tài sản chung. Tách yêu cầu chia tài sản chung của chị Ngô Thị Yến V để giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

5. Về án phí và quyền yêu cầu thi hành án:

Anh Mai Trung H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con để sung công quỹ Nhà nước. Anh H đã nộp số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương theo Biên lai thu tiền số 12552 ngày 04 tháng 5 năm 2020, nên anh H phải nộp tiếp số tiền còn lại là 300.000 đồng.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- UBND xã T, huyện A, HP;
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trương Minh Huế

